TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đoan
Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 528/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: ông Dương Bá L, sinh ngày 10/11/1970 (có mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A

- Bị đơn: bà Ngô Kim N, sinh ngày 01/01/1981 (có mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Dương Bá L như sau:**

Năm 2000 ông L và bà Ngô Kim N được người quen giới thiệu nên biết nhau và tìm hiểu nhau được vài tháng thì ông bà quyết định tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông và bà N sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau và dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020

đến nay. Trong thời gian ly thân, ông L đã suy nghĩ rất kỹ và ông L xác định không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa nên ông L quyết định ly hôn với bà N.

Về con chung, ông L và bà N có hai người con chung tên Dương Anh T, sinh ngày 24/7/2003 và Dương Bá K, sinh ngày 19/9/2006. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, ông Dương Bá L yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân ông L yêu cầu ly hôn với bà Ngô Kim N. Về con chung có hai người con tên Dương Anh T, sinh ngày 24/7/2003 và Dương Bá K, sinh ngày 19/9/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung ông L và bà N tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung ông L xác định là không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông L không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Ngô Kim N trình bày:** Bà N thống nhất với lời trình bày của ông L về thời gian sống chung vợ chồng với ông L, về thời gian đám cưới và bà N cũng thừa nhận là không có đăng ký kết hôn, theo lời trình bày của ông L về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân từ năm 2020 đến nay là đúng sự thật. Bà N xác định bà và ông L không thể sống chung với nhau được nữa vì hai người không còn tình cảm với nhau. Bà và ông L có hai người con chung tên Dương Anh T, sinh ngày 24/7/2003 và Dương Bá K, sinh ngày 19/9/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Bà xác định bà và ông L về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, Về hôn nhân bà Ngô Kim N đồng ý ly hôn với ông Dương Bá L. Về con chung là Dương Anh T, sinh ngày 24/7/2003 và Dương Bá K, sinh ngày 19/9/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng không có nợ chung nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà N không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Dương Bá L yêu cầu ly hôn với bà Ngô Kim N và bị đơn là bà N có địa chỉ tại ấp P, xã G, tỉnh A nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "ly hôn" và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: ông Dương Bá L và bà Ngô Kim N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, ông bà có tổ chức đám cưới và thời gian chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tại phiên tòa, ông L và bà N đều cho rằng hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau và dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông L và bà N đều có nguyện vọng ly hôn với nhau. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của ông bà; mà cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa ông Dương Bá L và bà Ngô Kim N là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: ông L, bà N đều xác nhận có hai người con chung tên Dương Anh T, sinh ngày 24/7/2003 và Dương Bá K, sinh ngày 19/9/2006; hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung: ông L, bà N tự thỏa thuận nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: ông L, bà N xác định là không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng ông L phải nộp do ông có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa ông Dương Bá L và bà Ngô Kim N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Dương Bá L phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012031 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, ông L đã nộp xong án phí HNST.

4. Ông L, bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 28/01/2026.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh